

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - A
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

A, ngày 25 tháng 12 năm 2025

Số: 288/2025/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Bá N** – SN: 05/5/1992; nơi cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh A.

CCCD số: 052092019415; ngày cấp: 26/01/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T** – SN: 05/5/1996; nơi cư trú: Thôn D, xã E, tỉnh A.

CCCD số: 052196005087; ngày cấp: 27/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã F, huyện G, tỉnh H (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh A).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất có 01 con chung tên: Lê Gia P, sinh ngày 27/6/2023, hiện cháu P đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh N và chị T thống nhất giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi cháu P trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:* Anh Lê Bá N và chị Nguyễn Thị T thống nhất có 22 (hai mươi hai) chỉ vàng y 24k. Khi ly hôn, anh N và chị T thống nhất anh N được quyền sử dụng và sở hữu 10,5 chỉ vàng y 24k, chị T được quyền sử dụng và sở hữu 10,5 chỉ vàng y 24k, hiện anh N quản lý 4,5 chỉ vàng y 24k, chị T quản lý 11,5 chỉ vàng y 24k. Anh N và chị T thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận chị T giao cho anh N 6 (sáu) chỉ vàng y 24k là xong (các bên đã giao nhận xong).

2.4. *Án phí HNST:* Anh Lê Bá N tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Lê Bá N tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) sung ngân sách Nhà nước. Anh Lê Bá N đã nộp 7.450.000^d (bảy triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004140 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A nay được khấu trừ và hoàn trả lại cho anh N 7.150.000^d (bảy triệu, một trăm, năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh A;
- VKSND khu vực 3 - A;
- Phòng THADS khu vực 3 - A;
- UBND xã C, tỉnh A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ